TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HSST
Ngày 28-6-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phan Đình Khiêm

2/ Bà Lê Thị Hằng

3/ Ông Trương Vĩnh Kỳ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2023 , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HS-QĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023, đối với bị cáo:

Lương Thị Hồng C, sinh ngày 30 tháng 7 năm 1983 tại Bình Thuận.

Nơi thường trú: Khu phố X, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Lương Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Võ Thị Kim Hoa, sinh năm 1960, hiện cư trú tại phu phố 3, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Bị cáo có chồng tên Hà Khuyên, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/5/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

Những người bị hại:

1. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1990. Trú tại: 90 Hoàng Hoa Thám, khu phố 10, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T. Có mặt

2. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1983. Trú tại: khu phố 3, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T. Vắng mặt

3. Ông Huỳnh Thái Q, sinh năm 1985. Trú tại: 30 Phạm Ngũ Lão, khu phố 2, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T. Có mặt

4. Bà Vi Thị L, sinh năm 1970. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

5. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1969. Trú tại: 835 Quốc lộ 55, thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

6. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1961. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

7. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1960. Trú tại: thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

8. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

9. Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1974. Trú tại: thôn Đông Thuận, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

10. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1975. Trú tại: thôn Suối Bang, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

11. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1968. Trú tại: thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

12. Bà Trần Thị Mộng G, sinh năm 1962. Trú tại: 389 thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Có mặt

13. Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1967. Trú tại: 382 Cách mạng tháng 8, khu phố 5, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt

14. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1963. Trú tại: Đội 7, thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

15. Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1969. Trú tại: Đội 7, thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

16. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1976. Trú tại: thôn Đông Hiệp, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

17. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962. Trú tại: 90 Hoàng Hoa Thám, khu phố 10, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T. Có mặt

18. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1966. Trú tại: thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

19. Bà Võ Ngọc Thùy T, sinh năm 1965. Trú tại: 319 Ngô Quyền, khu phố 2, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T. Có mặt

20. Ông Hoàng T, sinh năm 1984. Trú tại: khu phố 1, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T. Vắng mặt

21. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992. Trú tại: thôn Tân Hòa, xã S.P, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

22. Bà Trần Thị B, sinh năm 1959. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

Những Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Hà K, sinh năm 1980. Vắng mặt

Địa chỉ: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T

Tạm trú tại: Tổ dân phố Quảng Lạc, thị trấn D, huyện Đ.D, tỉnh L.Đ.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1947. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Có mặt

Những người làm chứng:

1. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1977. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

2. Bà Kiều Thị H, sinh năm 1979. Trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T. Vắng mặt

3. Bà Lương Huỳnh N, sinh năm 1964. Trú tại: Khu phố 5, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T. Vắng mặt

4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1983. Trú tại: Thôn Tân Lý 2, xã T.B, thị xã L.G, tỉnh B.T. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Thị Hồng C, sinh năm 1983; trú tại: Khu phố X, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T có thời gian làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận nên biết các thủ tục làm hồ sơ vay vốn và tất toán các khoản vay tại các Quỹ tín dụng. Sau khi nghỉ làm việc tại Quỹ tín dụng nhân dân xã Tân Xuân, Châu đã tạo lòng tin với nhiều người dân có khả năng tài chính tại địa phương bằng cách tự giới thiệu Châu đang làm các hồ sơ để "đáo hạn ngân hàng", nghĩa là lấy tiền cho các hộ dân, các doanh nghiệp tại địa phương vay tiền trả nợ Ngân hàng khi đã đến hạn nhưng không có tiền trả để làm hồ sơ thủ tục vay vốn lại của Ngân hàng; khi Ngân hàng giải ngân thì Châu sẽ nhận tiền kèm theo một khoản tiền lãi theo thỏa thuận. Châu đã liên hệ với nhiều người dân trên địa bàn huyện Hàm Tân và thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận để lấy tiền của họ đưa cho Châu làm "đáo hạn ngân hàng" và thỏa thuận sau khi Ngân hàng giải ngân thì Châu nhận tiền rồi trả lại tiền cho những người đã đưa tiền cho Châu (bị hại) gồm tiền vốn và một khoản tiền lãi theo thỏa thuận từ 0,2% đến 0,4% một ngày. Bằng thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, mặc dù Châu không có khả năng trả nợ tiền vay nhưng Châu đã đưa thông tin gian dối là làm "đáo hạn ngân hàng" để huy động vốn lấy tiền (vay tiền) của người khác và thỏa thuận trả lãi từ 0,2% đến 0,4% một ngày trên số tiền vay nhưng không dùng làm "đáo hạn ngân hàng", mà sử dụng số tiền vay của người vay sau để trả gốc, lãi cho những người đã vay trước đó dẫn đến mất khả năng trả nợ. Sau đó 22 người bị hại viết đơn tố cáo hành vi chiếm đoạt tiền của Châu đến Cơ quan công an, cụ thể như sau:

1. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1990, trú tại: khu phố 10, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Ngày 16/3/2019, ông Trí đã đưa cho Châu số tiền 800.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Trí 50.000.000 đồng tiền lãi và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 750.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và ông Trí đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Trí số tiền 800.000.000 đồng.

2. Ông Phạm Minh T, sinh năm 1983; trú tại: khu phố 3, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Từ tháng 01/2019 đến tháng 4/2019, ông Tiến đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 3.350.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Tiến tiền gốc 2.400.000.000 đồng và tiền lãi 661.500.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 288.500.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và ông Tiến đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Tiến số tiền 950.000.000 đồng.

3. Ông Huỳnh Thái Q, sinh năm 1985; trú tại: khu phố 2, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Ngày 22/3/2019, ông Quang đã đưa cho Châu số tiền 5.650.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Quang tiền gốc 850.000.000 đồng và tiền lãi 360.000.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 4.440.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và ông Quang đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Quang số tiền 4.800.000.000 đồng.

4. Bà Vi Thị L, sinh năm 1970; trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 11 năm 2017 đến tháng 12 năm 2018, bà Loan đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 660.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Loan tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi 108.000.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 432.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Loan đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Loan số tiền 540.000.000 đồng.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1969; trú tại: thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 4 năm 2019, bà Liên đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 30.920.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Liên tiền gốc 28.420.000.000 đồng và tiền lãi 1.329.780.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 1.170.220.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Liên đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Liên số tiền 2.500.000.000 đồng.

6. Bà Ngô Thị Đ, sinh năm 1961; trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 11 năm 2016 đến tháng 02 năm 2019, bà Điểu đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 1.830.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Điểu tiền lãi 448.000.000 đồng và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 1.382.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Điểu đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Điểu số tiền 1.830.000.000 đồng.

7. Bà Phạm Thị O, sinh năm 1960; trú tại: thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Từ tháng 5 năm 2016 đến tháng 11 năm 2018, bà Oanh đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 420.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Oanh tiền gốc 170.000.000 đồng và tiền lãi 230.700.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 19.300.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Oanh đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Oanh số tiền 250.000.000 đồng.

8. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1960; trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, ông Dũng đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 60.420.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Dũng tiền gốc 56.470.000.000 đồng và tiền lãi 1.845.565.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 2.104.435.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và ông Dũng đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Dũng số tiền 3.950.000.000 đồng.

9. Bà Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1974; trú tại: thôn Đông Thuận, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 02 năm 2019 đến tháng 3 năm 2019, bà Hòa đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 5.719.275.000 đồng; Châu đã trả cho bà Hòa tiền lãi 829.294.000 đồng và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 4.889.981.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Hòa đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Hòa số tiền 5.719.275.000 đồng.

10. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1975; trú tại: thôn Suối Bang, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Từ tháng 3 năm 2019 đến ngày 25/4/2019, bà Cam đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 11.130.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Cam tiền gốc 9.345.500.000 đồng và tiền lãi 404.600.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 1.379.900.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Cam đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Cam số tiền 1.784.500.000 đồng.

11. Bà Trần Thị Thu V, sinh năm 1968; trú tại: thôn Đá Mài 1, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Từ ngày 01/9/2018 đến ngày 20/4/2019, bà Vân đã đưa nhiều lần cho Châu số tiền 2.650.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Vân tiền gốc 1.500.000.000 đồng và tiền lãi 275.000.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 875.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Vân đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Vân số tiền 1.150.000.000 đồng.

12. . Bà Trần Thị Mộng G, sinh năm 1962; trú tại: thôn Láng Gòn 2, xã Tân Xuân, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Từ ngày 12/11/2018 đến ngày 23/4/2019, bà Giang đã đưa nhiều lần cho Châu số tiền 1.700.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Giang tiền lãi 167.800.000 đồng và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 1.532.200.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Giang đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Giang số tiền 1.700.000.000 đồng.

13. Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1967; trú tại: khu phố 5, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận:

Ngày 08/4/2019, bà Được đã đưa cho Châu số tiền 200.000.000 đồng; Châu không trả tiền gốc và tiền lãi; *số tiền chiếm đoạt là 200.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Được đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ trả cho Được số tiền 200.000.000 đồng.

14. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1963; trú tại: thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ ngày 16/4/2018 đến ngày 01/4/2019, bà Thủy đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 3.990.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Thủy tiền gốc 1.000.000.000 đồng và tiền lãi 1.086.900.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 1.903.100.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Thủy đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Thủy số tiền 2.990.000.000 đồng.

15. Bà Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1969; trú tại: thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ ngày 11/9/2018 đến ngày 17/4/2019, bà Thư đã đưa nhiều lần cho Châu số tiền 700.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Thư tiền lãi 77.800.000 đồng và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 622.200.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Thư đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Thư số tiền 700.000.000 đồng.

16. Bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1976, trú tại: thôn Đông Hiệp, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 10 năm 2018 đến ngày 12/4/2019, bà Thuận đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 14.020.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Thuận tiền gốc 3.680.000.000 đồng và tiền lãi 1.762.985.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 8.577.015.000 đồng*.

Về phần dân sự: Châu và bà Thuận đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Thuận số tiền 10.340.000.000 đồng;

- Ngày 25/12/2022 gia đình Lương Thị Hồng C đã bồi thường cho bà Thuận số tiền 70.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

17. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1962; trú tại: khu phố 10, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019, bà Ngàn đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 50.000 đô la Mỹ (USD) vào ngày 20/10/2017, 50.000 USD vào ngày 02/11/2017 và 84.750.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Ngàn tiền gốc 36.620.000.000 đồng và 20.000 USD, trả tiền lãi 17.814.000.000 đồng.

Căn cứ Công văn số 981/BTH-TH ngày 21/10/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh Bình Thuận cung cấp tỷ giá đô la như sau:

Ngày 20/10/2017 là 22.459 VND/ 1USD;

Ngày 02/11/2017 là 22.466 VND/ 1USD.

Như vậy, số tiền Châu chiếm đoạt là 30.316.000.000 đồng và 80.000 USD, *quy ra số tiền là 32.113.280.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Ngàn đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Ngàn số tiền 52.880.000.000 đồng và 80.000 USD.

18. Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1966; trú tại: thôn Đông Thanh, xã T.H, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 3 năm 2019, bà Hà đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 220.000.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Hà tiền gốc 153.000.000.000 đồng và tiền lãi 65.000.000.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 2.000.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Hà đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Hà số tiền 67.545.000.000 đồng.

19. Bà Võ Ngọc Thùy T, sinh năm 1965, trú tại: khu phố 2, phường T.A, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 02 năm 2019, bà Thu đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 4.750.000.000 đồng; Châu đã trả cho bà Thu tiền lãi 2.000.000.000 đồng và không trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 2.750.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Thu đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Thu số tiền 4.750.000.000 đồng.

20. Ông Hoàng T, sinh năm 1984; trú tại: khu phố 1, phường P.H, thị xã L.G, tỉnh B.T:

Từ tháng 9 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, ông Thiện đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 31.000.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Thiện tiền gốc 16.000.000.000 đồng và tiền lãi 8.000.000.000 đồng; *số tiền chiếm đoạt là 7.000.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và ông Thiện đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Thiện số tiền 14.700.000.000 đồng.

21. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1992; trú tại: thôn Tân Hòa, xã S.P, huyện H.T, tỉnh B.T:

Từ tháng 12 năm 2018 đến tháng 3 năm 2019, ông Hưng đã nhiều lần đưa cho Châu số tiền 2.070.000.000 đồng; Châu đã trả cho ông Hưng tiền lãi 150.000.000 đồng và chưa trả tiền gốc; *số tiền chiếm đoạt là 1.920.000.000 đồng.* (Bút lục số: 749,750)

Về phần dân sự: Châu và ông Hưng đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho ông Hưng số tiền 2.070.000.000 đồng.

- Ngày 25/12/2022 gia đình Lương Thị Hồng C đã bồi thường cho ông Hưng số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

22. Bà Trần Thị B, sinh năm 1959; trú tại: thôn L.G, xã T.X, huyện H.T, tỉnh B.T:

Tháng 3 năm 2019, bà Bảy đã đưa cho Châu số tiền 40.000.000 đồng; Châu chưa trả cho bà Bảy tiền gốc và tiền lãi; *số tiền chiếm đoạt là 40.000.000 đồng.*

Về phần dân sự: Châu và bà Bảy đã thống nhất thỏa thuận, Châu sẽ tiếp tục trả cho bà Bảy số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền Châu đã chiếm đoạt của 22 người bị hại là: **76.389.781.000 đồng.**

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai La Gi và làm việc với với những người giao dịch (mua, bán) bất động sản với Lương Thị Hồng C, xác định năm 2019 Châu giao dịch (mua, bán) 07 thửa đất, tuy nhiên Châu không bị thua lỗ trong việc mua bán bất cứ thửa đất nào. Làm việc với những người hợp tác kinh doanh keo lá tràm với Châu, xác định năm 2018 có hợp tác kinh doanh keo lá tràm khoảng 4-5 lần, có lần lời và có lần lỗ, nhưng lỗ với số tiền ít, khoảng 5- 10 triệu đồng, hiện Châu còn đang nợ tiền của những người này.

Xác minh 12 cơ sở tín dụng (Ngân hàng và Quỹ tín dụng) có chi nhánh tại huyện Hàm Tân và thị xã La Gi, tất cả đều xác định Châu không thực hiện việc đáo hạn ngân hàng, hiện tại cũng không có tiền gửi hay khoản nợ nào tại các cơ sở tín dụng.

Quá trình điều tra, Lương Thị Hồng C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng vụ án:

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lương Thị Hồng C:

- 07 quyển sổ ghi chép cá nhân do Châu tự ghi để theo dõi, không có ai ký xác nhận; chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên (bản chính) chuyển kèm theo hồ sơ vụ án; Cơ quan tiến hành tố tụng đã tiến hành kê biên thửa đất theo Lệnh kê biên tài sản số 07 ngày 30/9/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận.

Tại Cáo trạng số 08/CT-VKSBT-P1 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận để xét xử Lương Thị Hồng C về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Lương Thị Hồng C thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Bị cáo rất ăn năn hối lỗi về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị có để sớm về với gia đình.

- Các bị hại đều yêu cầu bị cáo Châu trả lại toàn bộ số tiền mà giữa bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận bồi theo nội dung của Cáo trạng.

- Người liên quan Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án xem xét cho quyền lợi của bà. Vì trước đây bà chỉ chuyển nhượng cho vợ chồng bị cáo Châu 01 phần của thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 nhưng đã bị kê biên toàn bộ thửa đất để đảm bảo thi hành án.

- Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị Hồng C từ 15 đến 16 năm tù.

Về vật chứng, đề nghị:

Lưu giữ kèm hồ sơ vụ án 07 quyển sổ ghi chép cá nhân do Châu tự ghi để theo dõi, không có ai ký xác nhận.

Tạm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên (bản chính) để thực hiện việc kê biên tài sản nhằm đảm bảo thi hành phần bồi thường dân sự của bị cáo.

Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại. Cụ thể: Buộc bị cáo phải trả cho Ông Nguyễn Công T 800.000.000 đồng; trả cho Ông Phạm Minh T 950.000.000 đồng; trả cho Ông Huỳnh Thái Q 4.800.000.000 đồng; trả cho Bà Vi Thị L 540.000.000 đồng. Trả cho Bà Nguyễn Thị Hồng L 2.500.000.000 đồng. Trả cho Bà Ngô Thị Đ 1.830.000.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị O 250.000.000 đồng. Trả cho Ông Nguyễn Văn D 3.950.000.000 đồng; Trả cho Bà Lê Thị Mỹ H 5.719.275.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị C 1.784.500.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị Thu V 1.150.000.000 đồng; trả cho . Bà Trần Thị Mộng G 1.700.000.000 đồng; trả cho Bà Lâm Thị Đ 200.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T 2.990.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Anh T 700.000.000 đồng; trả cho Bà Lê Thị Bích T 10.270.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị N 52.880.000.000 đồng và 80.000 USD; trả cho Bà Lê Thị Thanh H 67.545.000.000 đồng; trả cho bà Võ Ngọc Thùy 4.750.000.000 đồng; trả cho Ông Hoàng T 14.700.000.000 đồng; trả cho Ông Nguyễn Hữu H 2.040.000.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị B 40.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa vắng mặt một số người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bình Thuận, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với bị cáo, bị cáo đã được nhận đầy đủ Kết luận điều tra, Cáo trạng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo quyền được Luật sư bào chữa. Quá trình

điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Hành vi phạm tội và Điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 4 năm 2019, Lương Thị Hồng C đã đưa thông tin gian dối là cần tiền để làm "đáo hạn ngân hàng" để huy động vốn của những người khác, lấy tiền của những người này và thỏa thuận trả lãi từ 0,2% ngày đến 0,4% một ngày trên số tiền huy động. Số tiền nhận được, Châu không làm "đáo hạn ngân hàng" mà dùng để trả gốc, lãi cho những người đã vay trước đó dẫn đến mất khả năng trả nợ. Tổng số tiền Châu đã chiếm đoạt của 22 người bị hại là **76.389.781.000 đồng**, bao gồm: Ông Nguyễn Công T số tiền 750.000.000 đồng; Ông Phạm Minh T số tiền 288.500.000 đồng; Ông Huỳnh Thái Q số tiền 4.440.000.000 đồng; Bà Vi Thị L số tiền 432.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Hồng số tiền 1.170.220.000 đồng; Bà Ngô Thị Đ số tiền 1.382.000.000 đồng; Bà Phạm Thị O số tiền 19.300.000 đồng; Ông Nguyễn Văn D số tiền 2.104.435.000 đồng; Bà Lê Thị Mỹ H số tiền 4.889.981.000 đồng; Bà Phạm Thị C số tiền 1.379.900.000 đồng; Bà Trần Thị Thu V số tiền 875.000.000 đồng; . Bà Trần Thị Mộng G số tiền 1.532.200.000 đồng; Bà Lâm Thị Đ số tiền 200.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 1.903.100.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Anh T số tiền 622.200.000 đồng; Bà Lê Thị Bích T số tiền 8.577.015.000 đồng; Bà Nguyễn Thị N số tiền 32.113.930.000 đồng; Bà Lê Thị Thanh H số tiền 2.000.000.000 đồng; Bà Võ Ngọc Thùy T số tiền 2.750.000.000 đồng; Ông Hoàng T số tiền 7.000.000.000 đồng; Ông Nguyễn Hữu H số tiền 1.920.000.000 đồng; Bà Trần Thị B số tiền 40.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Lương Thị Hồng C đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lương Thị Hồng C với tội danh, khung hình phạt theo điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Lương Thị Hồng C đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của 22 người, mỗi lần chiếm đoạt tiền đều trên 2.000.000 đồng nên thuộc trường hợp

"*phạm tội 02 lần trở lên"*. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường một phần tiền cho bị hại, đã đồng ý kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về đánh giá mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị rất lớn và phạm tội với rất nhiều bị hại, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 07 quyển sổ ghi chép cá nhân do Châu tự ghi để theo dõi, không có ai ký xác nhận, cần phải lưu giữ theo hồ sơ vụ án;

- Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên (bản chính) cần chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để thực hiện việc kê biên tài sản nhằm đảm bảo thi hành phần bồi thường dân sự của bị cáo;

[8] Về dân sự:

Xét thấy giữa bị cáo và các bị hại đã thỏa thuận thống nhất được số tiền mà bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại. Do đó cần buộc bị cáo trả cho các bị hại số tiền, cụ thể như sau:

Trả Ông Nguyễn Công T 800.000.000 đồng; trả cho Ông Phạm Minh T 950.000.000 đồng; trả cho Ông Huỳnh Thái Q 4.800.000.000 đồng; trả cho Bà Vi Thị L 540.000.000 đồng. Trả cho Bà Nguyễn Thị Hồng L 2.500.000.000 đồng. Trả cho Bà Ngô Thị Đ 1.830.000.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị O 250.000.000 đồng. Trả cho Ông Nguyễn Văn D 3.950.000.000 đồng; Trả cho Bà Lê Thị Mỹ H 5.719.275.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị C 1.784.500.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị Thu V 1.150.000.000 đồng; trả cho . Bà Trần Thị Mộng G 1.700.000.000 đồng; trả cho Bà Lâm Thị Đ 200.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T 2.990.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Anh T 700.000.000 đồng; trả cho Bà Lê Thị Bích T 10.270.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị N 54.677.280.000 đồng; trả cho Bà Lê Thị Thanh H 67.545.000.000 đồng; trả cho Bà Võ Ngọc Thùy T

4.750.000.000 đồng; trả cho Ông Hoàng T 14.700.000.000 đồng; trả cho Ông Nguyễn Hữu H 2.040.000.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị B 40.000.000 đồng.

[9] Về những vấn đề khác:

- Tiếp tục thực hiện biện pháp kê biên tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên theo lệnh kê biên tài sản số 07/LKB-VPCQCSĐT ngày 30/9/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Thuận để đảm bảo việc thi hành án.

- Đối với Ông Hà K (chồng của bị cáo Châu), do không đủ căn cứ chứng minh đồng phạm với bị cáo Châu về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là có căn cứ.

- Ngoài 22 bị hại trên, Ông Trần Văn H, sinh năm 1983, trú tại: thôn Tân Lý 2, xã T.B, thị xã L.G, tỉnh B.T, có đơn tố cáo và yêu cầu bị cáo Châu trả số tiền 43.250.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó đã có đơn rút tố cáo. Cơ quan điều tra đã triệu tập ông Hà để làm việc nhưng triệu tập không được. Hiện cũng không xác định được ông Hà đang cư trú theo địa chỉ nào. Do đó chưa xác minh, làm rõ bà Châu có chiếm đoạt tiền của ông Hà hay không. Cơ quan điều tra tách vụ việc theo đơn của ông Hà để làm rõ, xử lý sau.

- Đối với yêu cầu của Bà Nguyễn Thị H: Xét thấy thửa đất đã được sang tên cho vợ chồng bị cáo Châu và đã được kê biên để đảm bảo thi hành án. Do đó, nếu bà Hoa có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự để được xem xét, giải quyết.

[10] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo phải trả cho các bị hại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lương Thị Hồng C phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Xử phạt: Bị cáo Lương Thị Hồng C 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 05/5/2022).

3. Về xử lý vật chứng:

- Lưu giữ kèm hồ sơ vụ án 07 quyển sổ ghi chép cá nhân do Châu tự ghi để theo dõi, không có ai ký xác nhận.

- Chuyển 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên (bản chính) đến Chi cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận để thực hiện việc kê biên tài sản nhằm đảm bảo thi hành phần bồi thường dân sự của bị cáo (Giấy chứng nhận QSDĐ này đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

4. Về dân sự: Buộc bị cáo Lương Thị Hồng C phải có nghĩa vụ trả cho các bị hại tổng số tiền 183.886.055.000 đồng, cụ thể: Trả cho Ông Nguyễn Công T 800.000.000 đồng; trả cho Ông Phạm Minh T 950.000.000 đồng; trả cho Ông Huỳnh Thái Q 4.800.000.000 đồng; trả cho Bà Vi Thị L 540.000.000 đồng. Trả cho Bà Nguyễn Thị Hồng L 2.500.000.000 đồng. Trả cho Bà Ngô Thị Đ 1.830.000.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị O 250.000.000 đồng. Trả cho Ông Nguyễn Văn D 3.950.000.000 đồng; Trả cho Bà Lê Thị Mỹ H 5.719.275.000 đồng; trả cho Bà Phạm Thị C 1.784.500.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị Thu V 1.150.000.000 đồng; trả cho . Bà Trần Thị Mộng G 1.700.000.000 đồng; trả cho Bà Lâm Thị Đ 200.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Thanh T 2.990.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị Anh T 700.000.000 đồng; trả cho Bà Lê Thị Bích T 10.270.000.000 đồng; trả cho Bà Nguyễn Thị N 54.677.280.000 đồng; trả cho Bà Lê Thị Thanh H 67.545.000.000 đồng; trả cho Bà Võ Ngọc Thùy T 4.750.000.000 đồng; trả cho Ông Hoàng T 14.700.000.000 đồng; trả cho Ông Nguyễn Hữu H 2.040.000.000 đồng; trả cho Bà Trần Thị B 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp phần quyết định về dân sự của bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về vấn đề khác: Tiếp tục duy trì biện pháp kê biên tài sản là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 658472 do UBND huyện Hàm Tân cấp ngày 11/9/2010, đứng tên Lương Thị Hồng C và Hà Khuyên theo lệnh kê

biên tài sản số 07/LKB-VPCQCSĐT ngày 30/9/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an tỉnh Bình Thuận để đảm bảo việc thi hành án.

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/20016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lương Thị Hồng C phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 291.886.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/6/2023); những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh;
- PV06, PC04, Trại 1 (Công an tỉnh Bình Thuận);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ HCTP, Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Phước Hiệu